

THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
THUẾ CƠ SỞ 1 TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3164 /TCS1-QLDN
V/v hướng dẫn quyết toán thuế TNDN
năm 2025

Phan Đình Phùng, ngày 05 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ chức thuộc
địa bàn quản lý của Thuế cơ sở 1 tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội;
Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025; Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

Để kịp thời hướng dẫn cho các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ chức kinh tế, Đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi là Doanh nghiệp) thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2025 đúng quy định; Thuế cơ sở 1 tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn quyết toán Thuế TNDN như sau:

1. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN:

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán năm đối với thuế thu nhập doanh nghiệp chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Theo đó đối với năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2025 chậm nhất là ngày **31/3/2026**.

Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế theo quý nhưng phải xác định số thuế TNDN tạm nộp hàng quý để nộp vào ngân sách nhà nước. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.

Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước (Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ).

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.



2. Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp:

2.1 Hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN của người nộp thuế áp dụng đối với phương pháp doanh thu trừ chi phí:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu 03/TNDN) và một hoặc một số Phụ lục kèm theo tờ khai (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư 80/2021/TT-BTC và các Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết theo các phụ lục đính kèm Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP (nếu có);

Một hoặc một số phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

+ Các Phụ lục về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 03-3A/TNDN; Mẫu số 03-3B/TNDN; Mẫu số 03-3C/TNDN; 03-3D/TNDN.

+ Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài theo mẫu số 03-4/TNDN.

+ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN.

+ Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo mẫu số 03-6/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất theo mẫu số 03-8/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-8A/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo mẫu số 03-8B/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo mẫu số 03-8C/TNDN.

+ Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo mẫu số 03-9/TNDN.

Đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, ngoài các phụ lục nêu trên, thì các phụ lục kèm theo như sau:

+ Phụ lục I: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết ban hành kèm theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP.

+ Phụ lục II: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia.

+ Phụ lục III: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu.

+ Phụ lục IV: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

- Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định).

Lưu ý: Đối với các đơn vị mà báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Nghị định 17/2012/NĐ-CP (được bổ sung bởi Khoản 2, 3 Điều 1 Nghị định 90/2025/NĐ-CP ngày 14/4/2025 của Chính phủ) thì khi nộp báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định.

2.2 Hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN của người nộp thuế áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

- Tờ khai thuế TNDN (mẫu 04/TNDN) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư 80/2021/TT-BTC

- Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định).

Riêng doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính để nộp cho cơ quan thuế.

2.3 Địa điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính theo các trường hợp thực hiện phân bổ thuế TNDN theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Một số lưu ý khi kê khai quyết toán Thuế TNDN năm 2025:

- Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; trường hợp kỳ tính



thuế năm 2025 của doanh nghiệp bắt đầu sau ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì áp dụng từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

- Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định 320/2025/NĐ-CP áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Thuế suất thuế TNDN

+ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với đơn vị có doanh thu trên 50 tỷ đồng

+ Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

+ Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của **kỳ tính thuế năm trước liền kề**.

Lưu ý: Một số trường hợp thuế suất khác quy định tại Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

- Miễn thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ cụ thể như sau:

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại;

+ Các trường hợp không được miễn thuế TNDN theo khoản 3 Điều 7 Nghị định 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ:

Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng

chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;

Thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

4. Báo cáo tài chính:

4.1 Doanh nghiệp mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp gồm các biểu mẫu sau:

- | | |
|--|---------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DN |

4.2 Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các biểu mẫu sau:

a) Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- | | |
|--|-----------------|
| - Báo cáo bắt buộc: | |
| + Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01a-DNN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DNN |
| + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DNN |

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b-DNN thay cho Mẫu số B01a-DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm **Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01-DNN)**.

- | | |
|---|----------------|
| - Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập: | |
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DNN |

b) Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- | | |
|--|-------------------|
| - Báo cáo bắt buộc: | |
| + Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01-DNNKLT |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DNN |
| + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DNNKLT |



- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mẫu số B03-DNN

4.3 Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN theo phương pháp tính trên thu nhập tính thuế mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính bao gồm:

- Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tình hình tài chính

Mẫu số B01-DNSN

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02-DNSN

- Phụ biểu báo cáo tài chính

+ Bảng cân đối tài khoản

Mẫu số F01- DNSN

+ Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Mẫu số F02- DNSN

4.4 Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các hợp tác xã mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 71/2024/TT-BTC ngày 07/10/2024 của Bộ Tài chính bao gồm:

+ Báo cáo tình hình tài chính

Mẫu số B01-HTX

+ Báo cáo kết quả hoạt động

Mẫu số B02-HTX

+ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu số B09-HTX

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm **Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01-HTX)**.

Trên đây là hướng dẫn quyết toán thuế TNDN năm 2025, Thuế cơ sở 1 tỉnh Thái Nguyên thông báo đến các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ chức kinh tế, Đơn vị sự nghiệp được biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị người nộp thuế liên hệ Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp, Thuế cơ sở 1 tỉnh Thái Nguyên - Số 132 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên để được hỗ trợ. *Thị Thanh*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, QLDN. <03b> *lưu*

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh Nhân